

PHỤ LỤC
DANH MỤC KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP THUỐC NĂM 2023 - 2024 (LẦN 2)

GÓI THẦU SỐ 03: THUỐC CỎ TRUYỀN, THUỐC DƯỢC LIỆU

(Đính kèm Quyết định số 1627/QĐ-SYT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế Đồng Nai)

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Thành phần thuốc	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
1	8	1	Cao đặc Kim tiền thảo 150mg; tương đương với kim tiền thảo 1.500mg)	Kim tiền thảo	Cao đặc Kim tiền thảo 150mg; tương đương với kim tiền thảo 1.500mg)	Viên nén bao đường	Uống	VD-33857-19	Công ty TNHH dược phẩm Hà Thành	Việt Nam	Hộp 5 vi X 20 viên	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	2.720.060	395	1.074.423.700	12
2	13	2	Cao đặc Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân hoa, Ha khô thảo.	Tioga	33,33mg; 1,0g; 0,34g; 0,25g; 0,17g.	Viên bao đường	Uống	VD-29197-18	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam	Hộp 2 vi x 20 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Nhóm Bác Sỹ - Dược Sỹ	Viên	360.020	980	352.819.600	33
3	31	2	Bạch truật, Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, Đại táo, Đảng sâm, Long nhân, Bột mịn Đương quy, Bột mịn Bạch linh ; Bột mịn Hoàng kỳ ; Bột mịn Toan táo nhân ; Bột mịn Cam thảo	Quy tỷ	Cao khô hỗn hợp 300mg (tương đương với: Bạch truật 248mg; Viễn chí 248mg; Long nhân 248mg; Bạch linh 181,3mg; Đương quy 174,7mg; Đảng sâm 124mg; Toan táo nhân 107,3mg; Hoàng kỳ 87,3mg; Mộc hương 63mg; Đại táo 63mg; Cam thảo 55,4mg); Bột mịn Đương quy 73,3mg; Bột mịn Bạch linh 66,7mg; Bột mịn Hoàng kỳ 36,7mg; Bột mịn Toan táo nhân 16,7mg; Bột mịn Cam thảo 6,6mg	Viên nang cứng	Uống	VD-30743-18	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà	Việt Nam	Hộp 1 túi X 1 vi X 10 viên, hộp 1 túi X 3 vi X 10 viên; hộp 1 lọ 30 viên	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	253.350	910	230.548.500	12
4	35	2	Đảng sâm, Bạch truật, Hoàng kỳ chế, Cam thảo chế mật, Phục linh, Viễn chí chế, Táo nhân, Long nhân, Đương quy, Mộc hương, Đại táo bỏ hạt.	Trường Thọ Quy tỷ hoàn	400mg; 800mg; 800mg; 200mg; 800mg; 80mg; 800mg; 800mg; 80mg; 400mg; 200mg.	Viên hoàn mềm	Uống	VD-29889-18	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam	Hộp 10 viên x 9g	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Nhóm Bác Sỹ - Dược Sỹ	Viên	137.340	4.600	631.764.000	33

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Thành phần thuốc	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trưng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
5	52	2	Chi thực, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch truật, Bạch linh/Phục linh, Bán hạ, Mạch nha, Hậu phác, Cam thảo, Can khương, Hoàng liên/Ngô thù du	Chi thực tiêu bi-F	Mỗi viên chứa: Cao khô được liệu 300mg tương đương: Chi thực 480mg; Hoàng liên 440mg; Bán hạ 290mg; Mạch nha 290mg; Hậu phác 250mg; Bạch linh 250mg; Nhân sâm 230mg; Bạch truật 230mg; Cam thảo 187,3mg; Can khương 187,3mg; Bột mịn được liệu gồm: Nhân sâm 60mg; Bạch truật 60mg; Hoàng liên 40mg; Bạch linh 40mg	Viên nang cứng	Uống	VD-21486-14	Công ty TNHH DP Fito Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Seaphaco	Viên	149.340	810	120.965.400	40
6	62	2	Diệp hạ châu, Bò công anh, Nhân trần.	Bình can	Cao khô hỗn hợp được liệu (tương ứng: Diệp hạ châu 2g, Nhân trần 2g, Bò công anh 1g) 480mg	Viên	Uống	VD-32521-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Dược Phẩm Ivy	Viên	466.670	1.365	637.004.550	22
7	63	2	Diệp hạ châu, Bò công anh, Nhân trần.	Bình can	Cao khô hỗn hợp được liệu (tương ứng: Diệp hạ châu 2g, Nhân trần 2g, Bò công anh 1g) 480mg	Viên nang	Uống	VD-32521-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Dược Phẩm Ivy	Viên	933.760	1.365	1.274.582.400	22
8	64	2	Diệp hạ châu, Chua ngọt, Cỏ nhọ nôi.	Bổ gan tiêu độc Livsin-94	1500mg; 250mg; 250mg	Viên nén bao phim	Uống	VD-21649-14	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 5 vi x 20 viên	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Tây Âu	Viên	1.961.380	1.780	3.491.256.400	41
9	75	2	Đinh lăng, Bạch quả	A.T Hoạt huyết đường	40mg, 120mg	Cao lỏng	Uống	VD-29685-18	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp/ 30 ống x 8ml	Công Ty Cổ Phần Gonsa	Ống	180.010	5.460	982.854.600	19
10	76	2	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).	Hoạt huyết đường não	150mg+5mg (không dưới 1,2mg flavonoid toàn phần)	Viên	Uống	VD-33076-19	Công ty TNHH dược phẩm Hà Thành	Việt Nam	Hộp 5 vi x 20 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Codupha	Viên	5.145.380	185	951.895.300	9
11	78	2	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đường quy, Quế nhục, Cam thảo.	TISORE (KHU PHONG HÓA THẤP XUÂN QUANG)	1100mg. 1100mg. 1100mg. 1100mg. 800mg. 470mg. 470mg. 470mg. 470mg. 350mg. 350mg.	Viên nang	Uống	VD-29444-18	Công Ty TNHH Đồng Dược Xuân Quang	Việt Nam	Hộp 02 vi x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Đồng Dược Xuân Quang	Viên	1.113.360	2.975	3.312.246.000	54
12	99	2	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy Thiêm, Thiên niên kiện, Đường quy, Huyết giác, (Phòng kỷ).	Phong tê thấp	400mg; 400mg; 400mg; 800mg; 300mg; 300mg; 300mg; 400mg.	Viên nang cứng	Uống	VD-31441-19	Chi nhánh Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương.	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Thương Mai Dược Phẩm Xuân Nguyên	Viên	1.066.680	1.573	1.677.887.640	53
13	101	2	Ngưu tất, Đường quy, Xuyên khung, Ich mẫu, Thục địa.	Hoạt huyết Phúc Hưng	400mg + 120mg + 300mg + 300mg + 400mg	Viên nén bao phim	Uống	VD-24511-16	Công ty TNHH Đồng Dược Phúc Hưng	Việt Nam	Hộp 2 vi x 20 viên	Công Ty TNHH Dược Phẩm Kim Long Miền Nam	Viên	6.770.720	819	5.545.219.680	25

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Thành phần thuốc	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
14	114	2	Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cầu tích, Thổ phục linh.	Phong thấp ACP	600mg (Tương đương 120mg cao khô), 800mg (tương đương 160mg cao khô), 300mg (tương đương 60mg cao khô), 50mg (tương đương 10mg cao khô), 50mg (tương đương 10mg cao khô)	Viên	Uống	GC-225-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Dược Phẩm Ivy	Viên	726.680	1.323	961.397.640	22
15	116	2	Hy thiêm, Ngưu tất, Quế chi, Cầu tích, Sinh địa, Ngũ gia bì.	Hoàn phong thấp	Mỗi 1 viên (10g) chứa: Hy thiêm 1,58g; Ngưu tất 1,35g; Quế chi 0,32g; Cầu tích 1,13g; Sinh địa 0,33g; Ngũ gia bì 0,88g	Viên hoàn mềm	Uống	VD-31656-19	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam.	Việt Nam	Hộp 1 túi X 6 viênX 10g	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	653.350	3.500	2.286.725.000	12
16	118	2	Hy thiêm, Thiên niên kiện.	Hoàn phong thấp	Cao đặc hỗn hợp dược liệu (Hy thiêm 5g; Thiên niên kiện 0,25g) 290mg	Viên hoàn cứng	Uống	V42-H12-16	Cơ sở sản xuất thuốc Y học cổ truyền Bảo Phương	Việt Nam	Hộp 1 lọ X 30 viên	Công Ty TNHH Afp Pharma	Viên	1.025.360	2.450	2.512.132.000	1
17	125	2	Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp hạ châu, Bò công anh, Mẫu đơn bì, Đại hoàng.	FORVIM (NGÂN KIỆU GIẢI ĐỘC XUÂN QUANG	1500mg. 1500mg. 1500mg. 1150mg. 1150mg. 750mg.	Viên nang	Uống	VD-30063-18	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân Quang	Việt Nam	Hộp 02 vi x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân Quang	Viên	476.030	2.650	1.261.479.500	54
18	139	2	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen, Bình vôi	Dưỡng tâm an thần ĐDV	650mg; 500mg; 650mg; 150mg; 1200mg	Viên nang cứng	Uống	VD-35156-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Kiến Tạo Việt	Viên	277.340	1.108	307.292.720	23
19	149	2	Linh chi, Dương quy.	Linh chi-F	Mỗi viên chứa:-Cao khô dược liệu 150mg tương đương: Nấm linh chi 480mg; Dương quy 260mg;- Bột mịn dược liệu gồm Nấm linh chi 20mg; Dương quy 40mg	Viên nang cứng	Uống	VD-23289-15	Công ty TNHH DP Fito Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Seaphaco	Viên	353.350	1.210	427.553.500	40
20	153	2	Mã tiền chế, Dương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh.	Phong tê thấp	14mg; 14mg; 14mg; 12mg; 8mg; 16mg; 16mg; 20mg.	Viên hoàn cứng	Uống	V323-H12-13	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam	Việt Nam	Hộp10 gói x 40 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Viên	386.670	400	154.668.000	57
21	154	2	Mã tiền chế, Dương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh.	Phong tê thấp HD New	70mg + 40mg + 70mg + 70mg + 60mg + 80mg + 80mg + 100mg	Viên nang cứng	Uống	VD-27694-17	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Công Ty TNHH Dược Phẩm Y.A.C	Viên	2.806.720	1.490	4.182.012.800	56
22	157	2	Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ tử chế, Mộc hương, Địa liền, Quế chi.	Frentine	50mg :20mg; 13mg ; 8mg; 6mg;3mg	Viên nang	Uống	VD-25306-16	Công ty CP Dược Phẩm TW3	việt nam	hộp 3 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Vĩnh Khang	Viên	26.670	1.750	46.672.500	51
23	167	2	Nhân sâm, Nhung hươu, Cao ban long	Viên nang sâm nhung HT	20mg, 25mg, 50mg	Viên nang	Uống	VD-25099-16	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Nhất Quang	Viên	100.010	4.190	419.041.900	32

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Thành phần thuốc	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
24	175	2	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Dương qui, Mạch môn, Long đóm, Chi tử, Hoàng cầm, Cam thảo, Mộc thông.	GIẢI ĐỘC GAN XUÂN QUANG	1,70g, 0,83g, 0,83g, 0,60g, 0,60g, 0,60g, 0,83g, 0,42g, 0,42g, 0,23g, 0,42g.	Viên nang	Uống	V582-H12-10	Công Ty TNHH Đồng Dược Xuân Quang	Việt Nam	Hộp 02 vi x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Đồng Dược Xuân Quang	Viên	393.370	2.650	1.042.430.500	54
25	186	2	Mẫu đơn bì, Bạch thược, Sinh địa, Bối mẫu, Cam thảo, Huyền sâm, Mạch môn	Bổ Phế Trị Ho	200mg, 150mg, 250mg, 200mg, 100mg, 200mg, 200mg	Viên nang	Uống	VD-33929-19	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Phước Sanh Pharma	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Thảo Mộc Xanh	Viên	1.186.730	1.950	2.314.123.500	44
26	188	2	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỳ tử, Bạch linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, Thạch cao	Tieukhatling Caps	400mg, 200mg, 200mg, 200mg, 200mg, 34mg, 30mg, 30mg, 20mg, 20mg, 100mg	Viên nang cứng	Uống	VD-31729-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh	Việt Nam	Hộp 2 túi x 5 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Gonsa	Uống	284.030	3.400	965.702.000	19
27	204	2	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục.	Hoàn bát vị bổ thận dương	Cao đặc qui về khan (tương ứng với: thực địa 73,5mg; hoài sơn 66mg; sơn thù 60,5mg; trạch tả 44,75mg; phụ tử chế 15,12mg) 40,5mg; Bột kép (thực địa 5,25mg; hoài sơn 6mg; sơn thù 5,5mg; mẫu đơn bì 48,75mg; trạch tả 4mg; phục linh 48,75mg; quế nhục 16,5mg; phụ tử chế 1,38mg) 136,13mg	Viên hoàn cứng	Uống	VD-19914-13	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Hộp 1 chai 240 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Opc	gam	386.680	725	280.343.000	35
28	210	2	Thục địa, Phục linh, Hoài Sơn, Sơn thù, Trạch tả, Xa tiền tử, Ngưu tất, Mẫu đơn bì, Nhục quế, Phụ tử chế.	Fitôbetin-f	290mg cao khô dược liệu (tương đương: Thục địa 700mg; Phục linh 530mg; Hoài sơn 350mg; Sơn thù 350mg; Trạch tả 265mg; Xa tiền tử 180mg; Ngưu tất 130mg, Mẫu đơn bì 115mg; Nhục quế 90mg; Phụ tử chế 90mg); Bột mịn dược liệu bao gồm: Mẫu đơn bì 150mg; Ngưu tất 50mg	Viên nang cứng	Uống	VD-25456-16	Công ty TNHH DP Fito Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Seaphaco	Viên	266.680	1.200	320.016.000	40
29	214	2	Thương truật, Trần bì, Cam thảo, Hậu phác	Stomaps	530mg + 270mg + 130mg + 400mg	Viên nang cứng	Uống	VD-32732-19	Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên	Công Ty TNHH Dược Phẩm Y.A.C	Viên	720.030	2.400	1.728.072.000	56
30	219	2	Tỏi, Nghệ.	Garlicap viên tỏi nghệ	Bột tỏi (tương ứng với củ tỏi 1500mg) 462mg; Cao nghệ (tương ứng với củ nghệ 100mg) 12mg	Viên nang cứng	Uống	VD-20776-14	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Opc	Viên	480.030	546	262.096.380	35

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Thành phần thuốc	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
Tổng số mặt hàng: 30 ; Tổng giá trị trúng thầu: 39.755.226.710																	

STT	BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liêu	BV Nhi	BV Phôi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
1	133.340	266.670	-	-	-	-	133.340	26.670	200.000	-
2	-	40.000	-	-	-	-	-	-	26.670	26.670
3	-	-	-	-	-	53.340	-	-	-	-
4	-	40.000	-	-	-	4.000	-	-	40.000	-

STT	BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
5	-	133.340	-	-	-	-	-	16.000	-	-
6	-	200.000	-	-	-	-	200.000	-	-	-
7	-	133.340	-	-	-	-	-	66.670	-	40.000
8	133.340	666.670	-	-	-	-	200.000	-	66.670	40.000
9	66.670	-	-	-	-	-	-	20.000	80.000	-
10	40.000	266.670	-	-	-	160.000	933.340	-	-	-
11	200.000	66.670	-	-	-	13.340	213.340	160.000	160.000	-
12	400.000	266.670	-	-	-	-	-	66.670	66.670	66.670
13	666.670	133.340	-	-	-	53.340	600.000	106.670	320.000	53.340

STT	BVDK Đồng Nai	BVDK Thống Nhất DN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVDK KV Định Quán	BVDK KV Long Khánh	BVDK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
14	-	20.000	-	-	-	-	200.000	-	66.670	-
15	453.340	40.000	-	-	-	-	-	66.670	-	-
16	520.000	120.010	-	-	-	-	-	40.000	40.000	-
17	53.340	-	-	-	-	-	133.340	66.670	133.340	-
18	128.000	-	-	-	-	16.000	-	40.000	-	-
19	-	126.670	-	-	-	26.670	-	80.000	-	-
20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
21	666.670	66.670	-	-	-	100.000	200.000	133.340	53.340	66.670
22	-	-	-	-	-	-	-	26.670	-	-
23	40.000	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000

STT	BVDK Đồng Nai	BVDK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVDK KV Định Quán	BVDK KV Long Khánh	BVDK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
24	6.670	26.670	-	-	-	-	133.340	66.670	66.670	-
25	100.000	133.340	-	-	-	66.670	83.340	40.000		66.670
26	-	-	-	-	-	13.340	-	-	66.670	-
27	-	40.000	-	-	-	80.000	-	-	133.340	-
28	173.340	-	-	-	-	-	-	-	-	-
29	66.670	66.670	-	-	-	66.670	36.670	26.670	-	-
30	93.340	40.000	-	-	-	66.670	-	-	13.340	-

STT	BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
Tổng	7.368.093.870	4.109.206.320	'	'	'	808.682.380	3.500.246.700	2.105.106.940	2.813.901.760	613.638.770

STT	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
1	200.000	166.670	160.000	133.340	133.340	133.340	133.340	-	-	-
2	133.340	-	40.000	-	66.670	26.670	-	-	-	-
3	-	-	40.000	-	-	-	-	-	-	-
4	13.340	-	40.000	-	-	-	-	-	-	-

STT	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	-	-	66.670	-	-	-	-	-	-	-
7	66.670	-	-	-	533.340	-	-	-	-	-
8	133.340	-	106.670	80.000	133.340	26.670	28.000	-	-	-
9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	666.670	-	-	1.866.670	-	-	145.340	-	-	-
11	133.340	-	120.000	-	-	26.670	-	-	-	-
12	-	-	-	120.000	-	40.000	-	-	-	-
13	144.000	266.670	400.000	560.000	800.000	333.340	1.826.670	-	-	-

STT	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
14	-	-	40.000	-	-	133.340	-	-	-	-
15	-	-	26.670	-	-	66.670	-	-	-	-
16	-	78.670	-	-	-	106.670	-	-	-	-
17	42.670	-	46.670	-	-	-	-	-	-	-
18	-	-	13.340	-	80.000	-	-	-	-	-
19	-	-	-	-	-	66.670	-	-	-	-
20	-	-	-	120.000	-	-	-	-	-	-
21	133.340	133.340	-	453.340	200.000	266.670	40.000	-	-	-
22	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
23	-	-	26.670	-	-	-	-	-	-	-

STT	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
24	13.340	-	66.670	-	-	-	-	-	-	-
25	66.670	60.000	-	133.340	106.670	116.670	93.340	-	-	-
26	6.670	-	-	-	6.670	66.670	26.670	-	-	-
27	133.340	-	-	-	-	-	-	-	-	-
28	-	-	26.670	-	-	66.670	-	-	-	-
29	-	-	-	133.340	50.000	166.670	106.670	-	-	-
30	26.670	-	80.000	120.000	-	-	-	-	-	-

STT	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
Tổng	1.848.364.320	792.655.480	1.937.105.170	2.556.828.850	2.475.884.700	2.624.848.030	2.213.738.930	,	,	,

STT	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh	Bệnh xá công an tỉnh
1	26.670	-	-	800.000	66.670	6.670	-	-
2	-	-	-	-	-	-	-	-
3	13.340	-	-	106.670	40.000	-	-	-
4	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thản TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh	Bệnh xá công an tỉnh
5	-	-	-	-	-	-	-	-
6	-	-	-	-	-	-	-	-
7	26.670	-	-	-	66.670	-	400	-
8	13.340	-	-	306.670	26.670	-	-	-
9	-	-	-	-	13.340	-	-	-
10	133.340	66.670	66.670	133.340	666.670	-	-	-
11	20.000	-	-	-	-	-	-	-
12	-	-	-	-	40.000	-	-	-
13	13.340	-	-	160.000	333.340	-	-	-

STT	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thản TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh	Bệnh xá công an tỉnh
14	-	-	-	-	266.670	-	-	-
15	-	-	-	-	-	-	-	-
16	-	-	-	53.340	66.670	-	-	-
17	-	-	-	-	-	-	-	-
18	-	-	-	-	-	-	-	-
19	-	-	-	33.340	20.000	-	-	-
20	-	-	-	-	266.670	-	-	-
21	40.000	-	-	133.340	120.000	-	-	-
22	-	-	-	-	-	-	-	-
23	-	-	-	-	13.340	-	-	-

STT	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thẩn TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh	Bệnh xá công an tỉnh
24	13.340	-	-	-	-	-	-	-
25	13.340	-	-	93.340	13.340	-	-	-
26	-	-	-	93.340	4.000	-	-	-
27	-	-	-	-	-	-	-	-
28	-	-	-	-	-	-	-	-
29	-	-	-			-	-	-
30	26.670	-	-	-	13.340	-	-	-

STT	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sỹ Quan Lục Quân 2	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh	Bệnh xá công an tỉnh
Tổng	313.442.980	12.333.950	12.333.950	1.983.720.200	1.661.912.760	2.634.650	546.000	,